

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS - PT

Ngày: 11.9.2019

V/v “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn;
Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2019/TLPT - DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS - ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐ - PT ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 35/2019/QĐ - PT ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) - Sinh năm 1974 - Nơi ĐKNKTT: Tổ 25 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ: K113 đường P, tổ 168 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. (*Có mặt*).

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị T - Sinh năm 1954 - Địa chỉ: Tổ 254 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (*Có mặt*).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Lê V - Luật sư của Công ty Luật TNHH V, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt có lý do).

- Người kháng cáo: bà Bùi Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:**

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Bản tự khai ngày 25 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Võ Thị S trình bày:*

Ngày 25 tháng 9 năm 2016, bà Bùi Thị T viết Giấy cam kết đặt cọc nhận của bà số tiền cọc 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) để chuyển nhượng nhà đất tại tổ 254 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng diện tích 274,5 m² với giá chuyển nhượng là 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng). Hai bên cam kết từ ngày 25 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 01 năm 2017 bàn giao nhà cho bà. Trường hợp bà T không bán nhà thì phạt gấp 02 lần số tiền đã nhận. Tuy nhiên, quá thời hạn bàn giao, bà đã nhiều lần yêu cầu bà T làm thủ tục chuyển nhượng tại Phòng công chứng và thanh toán số tiền còn lại, nhưng bà T vẫn tìm mọi cách tránh né, không thực hiện đúng cam kết.

Ngoài ra, bà T đã 14 lần mượn tiền của bà tổng cộng là 1.933.000.000đ (Một tỷ chín trăm ba mươi ba triệu đồng). Cụ thể như sau:

- Ngày 17 tháng 10 năm 2015 mượn 95.000.000đ;
- Ngày 30 tháng 11 năm 2015 (ÂL) mượn 68.000.000đ;
- Ngày 10 tháng Giêng năm 2016 (ÂL) mượn 180.000.000đ;
- Ngày 10 tháng 02 năm 2016 (ÂL) mượn 60.000.000đ;
- Ngày 11 tháng 02 năm 2016 mượn 30.000.000đ;
- Ngày 08 tháng 3 năm 2016 mượn 30.000.000đ;
- Ngày 18 tháng 3 năm 2016 mượn 90.000.000đ;
- Ngày 11 tháng 4 năm 2016 mượn 50.000.000đ;
- Ngày 14 tháng 4 năm 2016 mượn 100.000.000đ;
- Ngày 16 tháng 6 năm 2016 mượn 102.000.000đ;
- Ngày 30 tháng 7 năm 2016 mượn 140.000.000đ;

- Ngày 30 tháng 7 năm 2016 mượn 200.000.000đ;
- Ngày 11 tháng 9 năm 2016 mượn 405.000.000đ;
- Ngày 20 tháng 9 năm 2016 mượn 383.000.000đ.

Do đã quá thời thanh toán mà bà T không trả nợ, cũng như thực hiện cam kết bán nhà nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T thanh toán số tiền cọc 1.200.000.000đ; phạt cọc 1.200.000.000đ và thanh toán số tiền mượn 1.933.000.000đ. Tổng cộng là 4.330.000.000đ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà T thanh toán số tiền cọc 1.200.000.000đ và phạt cọc 1.200.000.000đ; đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền 1.022.000.000đ (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng*) theo 10 Giấy mượn tiền; còn khoản mượn 886.000.000đ (*Tám trăm tám mươi sáu triệu đồng*) theo các Giấy mượn tiền ngày 30 tháng 11 năm 2015 (Âm lịch); ngày 11 tháng 02 năm 2016; ngày 11 tháng 8 năm 2016 và ngày 20 tháng 9 năm 2016 thì sẽ khởi kiện sau, do chưa làm thủ tục đòi tiền đối với khoản mượn không có kỳ hạn.

** Tại Đơn trình bày ngày 01 tháng 12 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Bùi Thị T trình bày:*

Ngày 20 tháng 4 năm 2016, theo môi giới của bà Võ Thị Thu H (*Võ Thị S*) và bà Phan Mỹ H, bà đã ký nhận cọc bán ngôi nhà tại tổ 254 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng với giá 2.700.000.000đ (*Hai tỷ bảy trăm triệu đồng*) cho ông Hồ Tấn M. Bà H ký tên làm chứng vào giấy nhận cọc. Ông M đã giao cho bà số tiền cọc 400.000.000đ và sau đó giao thêm 02 lần 200.000.000đ, tổng cộng là 600.000.000đ. Số tiền này sau khi nhận từ ông M thì bà S cần trừ nợ gốc và lãi của bà lấy gần hết. Sau đó, ông M và bà S yêu cầu bà viết giấy không giao dịch mua bán nữa. Trong lúc gia đình gặp biến cố, chồng bị sốc thuốc chết, con bị tai biến...nên bà đã viết giấy. Sau này, ông M đã khởi kiện bà tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu và Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ngày 25 tháng 9 năm 2016, bà S bắt bà ký vào giấy cam kết đặt cọc giả bán ngôi nhà trên cho bà S giá 2.400.000.000đ, đặt cọc 1.200.000.000đ với mục đích đi lấy tiền của người khác về trả lại tiền cho ông M và trả tiền lãi cho bà S.

Bà S đã nhắn tin cho bà có ai đến xem nhà thì cho họ xem và dẫn 02 người phụ nữ đến xem nhà. Việc ký giấy cam kết đặt cọc là hoàn toàn giả mạo, không có việc mua bán, giao nhận tiền cọc.

Đối với việc vay mượn tiền: Do hoàn cảnh con bị bệnh nặng, chồng chết đột ngột...bà S đã nhiều lần đưa tiền ép bà viết giấy (*Theo lời đọc của bà S*), trong đó có cả nợ và lãi suất phải trả. Đối với giấy nợ 2 suất biểu 68.000.000đ, hàng tháng bà S đã bắt bà đóng 4.000.000đ và lãi suất, thực tế bà không nhận được tiền mặt.

Do vậy bà đã nhiều lần khiếu nại, tố cáo những hành vi gian dối, ép buộc bà ký giấy cam kết nhận cọc; ép buộc bà viết nhiều giấy mượn tiền với số tiền không có thật đến Công an quận Liên Chiểu; cũng như khiếu nại thông báo trả lời của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, nhưng đến nay bà vẫn không nhận được kết quả giải quyết. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết khiếu nại, kết quả giải quyết đơn tố giác.

Tại phiên tòa, bà T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà vắng mặt nhiều lần, không có lý do.

* Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018, người làm chứng - ông Lê Đức S trình bày: Khoảng năm 2016, ông đang ngồi ở quán cà phê khu vực phường Hòa Minh thì có một người tự xưng là H, nhờ ông qua nhà ký làm chứng vào giấy đặt cọc. Ông đi qua nhà thì thấy một người phụ nữ lớn tuổi, nhìn thấy có tiền để trên bàn và ông đã ký vào giấy.

* Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, người làm chứng - ông Lương Việt P trình: Ông có quen biết với bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*). Thông qua bà S, ông biết bà T. Bà T nhiều lần mượn tiền, nhưng ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý cho bà S mượn, rồi bà S cho bà T mượn lại. Cụ thể: Giữa tháng 4 đến tháng 5 năm 2016, bà S mượn của ông số tiền 50.000.000đ tại quán cà phê Molly đường N và đưa cho một người phụ nữ trung niên (*Sau này biết là bà T*). Vào tháng 7 đến tháng 8 năm 2018, bà S dẫn bà T đến gặp ông mượn 200.000.000đ. Ông đưa cho bà S mượn 200.000.000đ, để bà S cho bà T mượn (*Bà S viết giấy mượn tiền của ông, bà T viết giấy mượn tiền của bà S*). Ngoài ra, trước đó ông có cho bà S mượn số tiền 200.000.000đ. Bà S nói là cho bà T mượn. Tổng số tiền bà S mượn của ông là 450.000.000đ.

* Tại Bản tự khai ngày 07 tháng 6 năm 2018, người làm chứng - bà Phan Thị Mỹ H trình bày: Bà có nhìn thấy bà H đưa tiền cho bà T (*Không biết bao nhiêu*) vào khoảng 17 giờ không nhớ rõ ngày tháng ... Sau đó, hai người viết giấy và ký.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

- Áp dụng các điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; các điều 235, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) đối với bà Bùi Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Bùi Thị T phải thanh toán cho bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) số tiền 1.022.000.000đ (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) đối với bà Bùi Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền cọc 1.200.000.000đ và phạt cọc 1.200.000.000đ, tổng cộng là 2.400.000.000đ (*Hai tỷ bốn trăm triệu đồng*).

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 42.660.000đ (*Bốn mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) bà Bùi Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) số tiền tạm ứng án phí 28.083.250đ (*Hai mươi tám triệu không trăm tám mươi ba đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000637 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bà Bùi Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà Bùi Thị T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích cho bà.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt nhưng tại bản luận cứ gửi cho Tòa án Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt và có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xử vắng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xét nội dung kháng cáo HĐXX thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 10 năm 2015 đến ngày 30 tháng 7 năm 2016 bà T đã nhiều lần mượn tiền của bà S (H) với tổng số tiền 1.022.000.000đ và có hạn thời gian thanh toán. Tuy nhiên, đến hạn bà T không trả nợ cho bà S (H) là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà T phải trả cho bà S (H) số tiền 1.022.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Bùi Thị T đều thừa nhận chữ ký trong 14 giấy mượn tiền do bà Võ Thị S (Võ Thị Thu H) cung cấp cho Tòa án là chữ ký của bà. Bà cho rằng việc bà ký các giấy mượn tiền là do bị bà S ép buộc, số tiền mượn không có thật; đối với giấy mượn tiền 02 phần biểu trị giá 68.000.000đ, hàng tháng bà đã trả 4 triệu. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà bị ép buộc ký mượn tiền cũng như không chứng minh được số tiền đã trả cho bà S. Mặt khác, tại Thông báo số 114/CSĐT(DD4) ngày 31 tháng 01 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công

an thành phố Đà Nẵng đã có kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm và đơn tố giác của bà T đối với bà S là không có dấu hiệu tội phạm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị T phải chịu là 42.660.000đ.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, do bà Bùi Thị T là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí và tuyên miễn các khoản án phí án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị T.

[3.3] Bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) số tiền tạm ứng án phí là 28.083.250đ bà S đã nộp tại biên lai thu số 0000637 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[3.4] Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ bà T đã nộp tại biên lai thu số 0006220 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T cũng như lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Bùi Thị T, tuy nhiên cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng về phần án phí là phù hợp pháp luật.

[4] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T và một phần bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng về phần án phí là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 463, 466 và 470 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 điều 26; khoản 1 điều 29 và điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” của bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) đối với bà Bùi Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền cọc 1.200.000.000đ và phạt cọc 1.200.000.000đ, tổng cộng là 2.400.000.000đ (*Hai tỷ bốn trăm triệu đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) đối với bà Bùi Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử: Buộc bà Bùi Thị T phải thanh toán cho bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) số tiền 1.022.000.000đ (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị T phải chịu là 42.660.000đ.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ bà Bùi Thị T phải chịu.

Tuyên miễn cho bà Bùi Thị T đối với các khoản án phí nêu trên.

[3.3] Bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị S (*Võ Thị Thu H*) số tiền tạm ứng án phí là

28.083.250đ bà S đã nộp tại biên lai thu số 0000637 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[3.4] Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ bà T đã nộp tại biên lai thu số 0006220 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b);
- Lưu Văn phòng (Tổ N/V) (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng